

Bản án số: 23/2020/DS.

Ngày: 18 - 02 – 2020

V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1971 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Ngọc T2 - sinh năm 1945 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T2 là chị Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1978 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2019) (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh C ..

2. Chị Nguyễn Kiều L - sinh năm 1976 (Có mặt).

Cư trú: Ấp Ngọc Hườn, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

3. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2.

Địa chỉ: Khóm 2, thị t, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Hát – Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lư Văn Thống – Chấp hành viên (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019) (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị T1. là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Ngày 02/01/2014 âm lịch bà mở hụi loại 5.000.000 đồng, có 30 chân, một tháng khui một lần. Bà N1 tham gia 02 chân, một chân theo danh sách hụi do bà N1 đứng tên, chân còn lại để tên ông T2 (chồng bà N1 đứng tên). Lần khui thứ nhất bà N1 bỏ số tiền 1.700.000 đồng hốt được số tiền 93.200.000 đồng. Lần khui thứ hai bà N1 tiếp tục bỏ hụi 1.700.000 đồng hốt được số tiền 96.600.000 đồng. Bà giao tiền hốt hụi trực tiếp cho bà N1 có ký xác nhận. Sau khi hốt hụi bà N1 đóng được 04 kỳ rồi ngưng dẫn đến tranh chấp, bà phải đóng thay cho bà N1 hụi chết cho các hụi viên trong dây hụi trên bằng 24 kỳ x 10.000.000 đồng (02 chân) bằng 240.000.000 đồng. Tại các phiên tòa trước đây, bà yêu cầu buộc bà N1 cùng ông T2 liên đới trả tiền hụi còn nợ bà bằng 240.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà không tham gia chơi hụi như bà T1 trình bày nên không có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T1. Theo bà N1 xác định là con của bà tên Nguyễn Kiều L có nợ hụi ngày của bà T1 nên chị L có vô hụi, loại 5.000.000 đồng do bà T1 làm chủ để hốt hụi, khoản tiền hốt hụi dùng thanh toán hụi ngày cho bà T1. Khi bà T1 giao hụi cho chị L thì bà có ký tên vào biên nhận nhận hụi nhưng chỉ ký nhận thay cho chị L. Do vậy bà không có trách nhiệm thanh toán nợ theo yêu cầu của bà T1.

Ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Việc chơi hụi giữa chị L với bà T1 ông không rõ, ông thống nhất theo trình bày và yêu cầu của bà N1.

Chị Nguyễn Kiều L trình bày: Trước khi xảy ra tranh chấp chị có tham gia vô hụi ngày do bà T1 làm chủ và phải đóng hụi mỗi ngày 1.800.000 đồng. Do không có khả năng thanh toán nên chị tham gia chơi hai chân hụi loại 5.000.000 đồng do bà T1 làm chủ như bà T1 trình bày, tiền hốt hụi chị dùng để trừ qua hụi ngày nợ bà T1. Sau khi hốt hụi chị đóng được 04 kỳ còn nợ lại 24 kỳ bằng 240.000.000 đồng như bà T1 xác định. Do vậy, mẹ chị là bà N1 không có nghĩa vụ thanh toán nợ hụi như yêu cầu của bà T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T1. Buộc bà N1 phải có trách nhiệm trả cho bà T1 tổng số tiền hụi là 120.000.000 đồng. Bà T1 phải trả cho bà N1 tiền phí giám định là 1.440.000 đồng. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2015 bà T1 kháng cáo, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xét lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà. Cùng ngày 24/02/2015 bà N1 kháng cáo, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xét lại vụ án theo hướng xác định bà không có trách nhiệm thanh toán khoản nợ hụi trên cho bà T1.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 113/2015/DS-PT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà N1, chấp

nhận kháng cáo của bà T1. Sửa bản án sơ thẩm số 14/2015/DS-ST, ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, Cà Mau. Buộc bà N1 thanh toán cho bà T1 số tiền 240.000.000 đồng. Ngoài ra án phúc thẩm còn tuyên về án phí đối với các đương sự.

Ngày 22/10/2015 bà N1 có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Ngày 23/4/2018 Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 109/2018/KN-DS, đề nghị hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và hủy một phần bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (phần liên quan đến tờ biên nhận số tiền 96.600.000 đồng).

Tại quyết định giám đốc thẩm số 343/2018/DS-PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận kháng nghị số 109/2018/KN-DS ngày 23/4/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Hủy một phần bản án phúc thẩm số 113/2015/DS-PT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và hủy một phần bản án dân sự số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (phần liên quan đến tờ biên nhận số tiền 96.600.000 đồng) giữa nguyên đơn là bà T1 với bị đơn là bà N1; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết sơ thẩm lại phần Bản án bị hủy theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tiến hành thông báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng cả hai lần nguyên đơn bà T1 vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã làm việc đối với bị đơn bà N1 thì bà N1 không đồng ý đình chỉ giải quyết vụ án, đồng thời ngày 11/3/2019 bà N1 có đơn phản tố đối với bà T1, yêu cầu bà T1 trả lại cho bà số tiền 110.440.000 đồng trong đó số tiền đã thi hành án là 109.000.000 đồng và số tiền giám định chữ ký và chữ viết là 1.440.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị N1 là người có yêu cầu phản tố trình bày: Trước đây bà T1 có khởi kiện bà đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về việc tranh chấp nợ hui, tại Bản án sơ thẩm số 14/2015/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà T1, buộc bà có trách nhiệm trả cho bà T1 số tiền nợ hui là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Bác yêu cầu của bà T1 đối với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi xét xử sơ thẩm bà và bà T1 đều không đồng ý với Bản án sơ thẩm và kháng cáo Bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tại Bản án phúc thẩm số 113/2015/DSPT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau không chấp nhận kháng cáo của bà mà chấp nhận kháng cáo của bà T1, buộc bà phải trả cho bà T1 số tiền nợ hui là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Bà không đồng ý với Bản án phúc thẩm nên có làm đơn yêu cầu Giám đốc thẩm gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 343/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy một phần Bản án phúc thẩm số 113/2015/DS-ST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Bản án dân

sự sơ thẩm số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đối với phần liên quan đến tờ biên nhận số tiền 96.600.000 đồng (Chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Căn cứ theo Quyết định giám đốc thẩm số 343/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nay bà yêu cầu bà T1 trả lại cho bà số tiền đã thi hành án là 87.803.540 đồng (Tám mươi bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng), bà tự nguyện rút lại yêu cầu đối với số tiền vượt quá số tiền đã thi hành án xong là 21.196.460 đồng và tiền giám định chữ ký là 1.440.000 đồng, đối với phần án phí bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu theo quy định bà được nhận lại phần án phí nào thì xin được nhận lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà N1, vào ngày 02/01/2014 bà có mở dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai hụi một lần, bà N1 có tham gia chơi 02 chân, hụi do bà N1 tham gia chơi ghi tên “Hai Tấn”. Sau khi tham gia chơi hụi thì bà N1 hốt hết hai chân hụi, bà đã giao đủ tiền hụi cho bà N1, bà N1 không đóng hụi chết cho bà số tiền 240.000.000 đồng. Bà khởi kiện bà N1 đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tại Bản án sơ thẩm số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), sau đó bà kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, tại Bản án số 113/2015/DSPT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận kháng cáo của bà, buộc bà N1 trả cho bà tổng số tiền nợ hụi là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), bà đồng ý với Bản án phúc thẩm số 113/2015/DSPT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Sau khi có quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tòa thành phố Hồ Chí Minh thì bà có nhận được tuy nhiên bà không đồng ý với quyết định giám đốc thẩm trên. Bà đã nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai tuy nhiên bà không tham gia với lý do bà yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án. Đã qua bà N1 đã thi hành án được số tiền hơn 100.000.000 đồng nhưng bà không nhớ chính xác số tiền bà N1 đã thi hành án là bao nhiêu. Bà không đồng ý trả lại số tiền 87.803.540 đồng theo yêu cầu phản tố của bà N1. Tại phiên tòa hôm nay bà xác định rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà phần dây hụi liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng do bà đã được thi hành án đối với phần này.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Kiều L trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của bà N1, chị không có ý kiến trình bày bổ sung.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Hồng N3 trình bày: Chị là người đại diện theo ủy quyền của ông T2, chị thống nhất theo lời trình bày của bà N1, chị không có ý kiến trình bày bổ sung thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lư Văn Thống trình bày: Vào ngày 11/6/2015 bà T1 có làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 thi hành án khoản tiền bà N1 nợ bà là 240.000.000 đồng và lãi suất thi hành án. Đến ngày 03/11/2016 bà N1 đã thi hành án cho bà T1 được số tiền 207.803.540 đồng và nộp

tiền án phí là 12.000.000 đồng, chi phí cưỡng chế là 6.688.000 đồng, thuế thu nhập cá nhân là 2.581.460 đồng. Còn lại số tiền 32.196.460 đồng bà T1 yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 đình chỉ thi hành án đối với bà N1. Ông xác định tại phiên tòa ông đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố của nguyên đơn, bị đơn.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Các Điều 26; 35; 39; 147, 217, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị N1 trả cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền hui 120.000.000 đồng (phần liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng).

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N1 đối với bà Huỳnh Thị T1.

Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền đã thi hành án là 87.803.540 đồng (Tám mươi bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà N1 với số tiền vượt quá số tiền đã thi hành án xong là 21.196.460 đồng và tiền giám định chữ ký là 1.440.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.390.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị N1 có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.786.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005209 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 được nhận lại. Bà N1 được nhận lại số tiền án phí là 6.000.000 đồng trong tổng số tiền án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2015/DS-ST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị N1 được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí và án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/11/2019, bà Huỳnh Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận hoàn trả lại bà Nguyễn Thị N1 số tiền 87.803.540 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T1. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy tại Quyết định giám đốc thẩm số: 343/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy một phần bản án phúc thẩm số 113/2015/DS-PT ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và hủy một phần bản án dân sự số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (phần liên quan đến tờ biên nhận số tiền 96.600.000 đồng) giữ nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T1 với bị đơn là bà Nguyễn Thị N1; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giải quyết sơ thẩm lại phần Bản án bị hủy theo đúng quy định pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tiến hành thông báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng cả hai lần nguyên đơn bà T1 vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tiến hành làm việc với bà T1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Tại biên bản làm việc ngày 25/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã tiến hành giải thích quyền và nghĩa vụ đối với bà T1 về việc Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước và bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau (Phần liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng). Tuy nhiên, bà T1 xác định đã nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T1 xác định không đến Tòa án theo thông báo của Tòa án do bà đã được thi hành án xong. Tại phiên tòa, bà T1 xác định rút lại yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà phần dây hụi liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng do bà đã được thi hành án đối với phần này. Tuy nhiên, trong vụ án này bị đơn bà N1 có đơn phản tố yêu cầu bà T1 trả lại tiền đã thi hành án (liên quan đến biên nhận hụi 96.600.000 đồng). Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 217

Bộ luật tố tụng dân sự và mục 17 Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07-4-2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp về một số vấn đề nghiệp vụ, thì không đình chỉ giải quyết vụ án mà đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (phần liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng) và thay đổi tư các tố tụng của đương sự, cụ thể bà N1 là nguyên đơn, bà T1 là bị đơn là phù hợp.

[3] Trong vụ án này, quyết định giám đốc thẩm hủy một phần đối với biên nhận 96.600.000 đồng cũng chỉ ra nội dung cần làm rõ, biên nhận ai viết, nếu bà N1, ông T2 viết thì đều thuộc trách nhiệm trả nợ của bà N1; nếu là bà L viết thì trách nhiệm trả nợ của bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà T1 cho rằng tờ biên nhận bà cung cấp nhưng không biết ai viết, bà N1, ông T2, bà L không biết ai viết biên nhận này, nhưng bà L thừa nhận số nợ biên nhận này là của bà L, vì lúc này bà L còn nợ hui ngày của bà T1, bà L chơi để trả nợ cho bà T1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 cũng thừa nhận khi bà T1 gom hui của bà N1 thì bà N1 vẫn nói chân hui này là của bà L, nhưng sau đó bà T1 vẫn không có phản đối gì. Điều đó, có căn cứ xác định đối với biên nhận hui 96.000.000 đồng này bà N1 chơi dùm bà L, nay bà L nhận nợ là phù hợp. Tuy nhiên, trong vụ án này bà T1 rút lại phần biên nhận hui, nên án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu của bà T1 kiện bà N1. Đối với bà N1 yêu cầu phản tố đòi lại số tiền thi hành án thừa là 87.803.540 đồng. Án sơ thẩm xác định, căn cứ theo Bản án phúc thẩm số: 113/2015/DS-PT ngày 26/5/2015 nêu trên, thì bà N1 phải trả cho bà T1 số tiền 240.000.000 đồng. Thời gian qua, bà N1 đã thi hành cho bà T1 số tiền tổng cộng là 207.803.540 đồng, số tiền còn lại 32.196.460 đồng bà T1 yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2 đình chỉ thi hành án đối với bà N1. Do quyết định giám đốc thẩm số: 343/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 đã hủy một phần Bản án phúc thẩm số: 113/2015/DS-ST ngày 26/5/2015 và Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2015/DS-ST ngày 09/02/2015 nêu trên đối với phần liên quan đến tờ biên nhận số tiền 96.600.000 đồng. Do đó, số tiền bà N1 phải thi hành đối với bà T1 chỉ có 120.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà N1 đã thi hành án xong thì bà N1 đã thi hành nhiều hơn số tiền 87.803.540 đồng. Như vậy, yêu cầu phản tố của bà N1 buộc bà T1 trả lại số tiền 87.803.540 đồng là phù hợp. Phần yêu cầu với số tiền vượt quá số tiền đã thi hành án xong là 21.196.460 đồng và tiền giám định chữ ký là 1.440.000 đồng, do tại phiên tòa bà N1 tự nguyện rút lại không yêu cầu nữa, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu này của bà N1 là phù hợp. Đối với việc bà T1 rút lại yêu cầu phần biên nhận hui 96.600.000 đồng, do bà L nhận nợ được tách ra thành vụ kiện khác khi bà T1 có yêu cầu. Từ đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về án phí: Án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp. Án phí phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Huỳnh Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T1 về việc buộc bà Nguyễn Thị N1 trả cho bà Huỳnh Thị T1 số tiền hụi 120.000.000 đồng (phần liên quan đến tờ biên nhận 96.600.000 đồng).

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N1 đối với bà Huỳnh Thị T1.

Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền đã thi hành án là 87.803.540 đồng (Tám mươi bảy triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N1 với số tiền vượt quá số tiền đã thi hành án xong là 21.196.460 đồng và tiền giám định chữ ký là 1.440.000 đồng.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.390.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2, tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị N1 có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.786.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005209 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2, tỉnh Cà Mau được nhận lại. Bà Nguyễn Thị N1 được nhận lại số tiền án phí là 6.000.000 đồng trong tổng số tiền án phí 12.000.000 đồng đã nộp theo Bản án dân sự phúc thẩm số 113/2015/DS-ST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2, tỉnh Cà Mau.

Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai số 0004886 ngày 14/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái N2, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út